

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2023

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Tạ Thị Thà.

- Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Trung – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng P - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 760/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX - ST ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Võ Quang C**, sinh năm 1972. Có mặt.

HKTT: Tập thể hợp tác xã S, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Phố T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C: Luật sư Nguyễn Thị H, đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1976. Vắng mặt.

HKTT: Tập thể hợp tác xã S, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Phố T, Thanh Trì, quận H, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Võ Quang C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P trước khi đăng ký kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/1995 tại UBND xã T (nay là phường T,

quận H), Thành phố Hà Nội. Đây là lần thứ nhất.

Sau khi kết hôn vợ chồng C sống tại phố T, phường T, quận H, Hà Nội. Anh chị C sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp bên cạnh đó chị P có quan hệ ngoại tình không C thủy dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, từ đó vợ chồng tình cảm lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 4/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- **Về con C:** Anh và chị Nguyễn Thị P có 03 con C là cháu Võ P Thu (nữ), sinh ngày 02/5/1994, cháu Võ Thu Trang (nữ), sinh ngày 17/12/2004 và cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Võ Hiếu Phong, cháu Trang và cháu Thu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản C (Động sản + bất động sản):** Anh và chị Nguyễn Thị P không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ C:** Anh có vay của mẹ là Vũ Thị Kinh 140.000.000 đồng, anh đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ bà Kinh 120.000.000 đồng. Đây là số tiền anh mua ô tô để làm ăn, anh tự vay và tự chịu trách nhiệm trả khoản vay này không yêu cầu chị P phải có trách nhiệm đối với khoản này.

Anh xác định anh có gửi 02 sổ tiết kiệm số tài khoản 363834779 đứng tên tôi Võ Quang C gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền 300.000.000 đồng và sổ tiết kiệm số tài khoản 351802469 đứng tên tôi Võ Quang C gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 500.000.000 đồng. Hai sổ tiết kiệm này anh đã rút vào tháng 08/2022 để trả nợ cho anh Tạ Anh Tuấn số tiền 300.000.000 đồng, còn số tiền 500.000.000 đồng anh trả bà Vũ Thị Kinh 200.000.000 đồng, còn số tiền 300.000.000 đồng còn lại anh dùng chi tiêu, chơi bời hết. Anh xác định đây là tiền anh tự làm ra là tài sản riêng của anh nên anh không có trách nhiệm phải trả chị P số tiền 300.000.000 đồng như chị P yêu cầu.

Tại bản tự khai tại Tòa án cũng như tại phiên hòa giải và văn bản tố tụng khác bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Võ Quang C trước khi đăng ký kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/1995 tại UBND xã T (nay là phường T, quận H), Thành phố Hà Nội. Đây là lần thứ nhất.

Sau khi kết hôn vợ chồng C sống tại phố T, phường T, quận H, Hà Nội. Vợ chồng C sống hòa thuận hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh C nghi ngờ chị ngoại tình dẫn đến thường xuyên chửi bới, súc phạm chị và đánh đập chị, bên cạnh đó anh C là người quản lý kinh tế chặt chẽ không quan tâm đến vợ con trong việc ăn học, ốm đau. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, hai bên gia đình và tổ dân phố đã hòa giải động viên nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Bên cạnh đó anh C cũng có quan hệ ngoại tình không C thủy với vợ con. Từ tháng 6/2022 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và chấm dứt quan hệ sinh lý và sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh C xin ly hôn chị xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, chị cũng đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Võ Quang C.

- **Về con C:** Chị và anh Võ Quang C có 03 con C là cháu Võ P Thu (nữ), sinh ngày 02/5/1994, cháu Võ Thu Trang (nữ), sinh ngày 17/12/2004 và cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Võ Thu Trang, anh C nuôi cháu Võ Hiếu Phong, cháu Võ P Thu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản C (Động sản + bất động sản):** Chị Nguyễn Thị P có quan điểm: Quá trình C sống giữa chị và anh C có gửi tiền tại 02 sổ tiết kiệm số tài khoản 363834779 đứng tên Võ Quang C tại ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền 300.000.000 đồng và sổ tiết kiệm số tài khoản 351802469 đứng tên tôi Võ Quang C gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 500.000.000 đồng. Khi ly hôn chị xác định đây là tài sản C của vợ chồng nên đề nghị được hưởng 300.000.000 đồng, còn anh C hưởng số tiền 500.000.000 đồng. Chị P xác định vợ chồng không còn tài sản C nào khác.

- **Về các khoản nợ C:** Chị xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu giải quyết xem xét về tài sản C đối với hai sổ gửi tiết kiệm nêu trên, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về việc tranh chấp tài sản C, nhưng cho đến khi mở phiên tòa chị P không nộp tiền tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Võ Quang C khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, anh sống với chị P không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ tháng 4/2022, hiện nay đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý. Do đó, anh C cương quyết yêu cầu được ly hôn chị P. Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con C. Đối với cháu Thu và cháu Trang đã trưởng thành và có gia đình riêng anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; Về tài sản C: Vợ chồng anh chị không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ C: Vợ chồng anh chị không vay nợ ai và cũng không ai vay nợ vợ chồng anh chị.

Đối với những khoản nợ anh đã khai nay tại phiên tòa anh xác định đây là nợ riêng của anh, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn: Vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của chị Nguyễn Thị P thể hiện tại bản tự khai; biên bản hòa giải và Biên bản xác minh với tổ dân phố, bản tự khai của cháu Võ Hiếu Phong. Anh C nghe rõ các lời khai trên và thừa nhận đúng. Song, anh C vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Võ Quang C: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang C, xử cho anh C ly hôn chị Nguyễn Thị P; giao con C là cháu Võ Hiếu Phong cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con C, đối với cháu Thu, cháu Trang đã trưởng thành nên không xét; về tài sản C, nợ C: Không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của anh Võ Quang C đối với chị Nguyễn Thị P là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án chuẩn bị đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự cũng được nhận các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật;

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang C, xử cho anh C ly hôn chị Nguyễn Thị P; giao con C là cháu Võ Hiếu Phong cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con C, đối với cháu Thu, cháu Trang đã trưởng thành nên không xét; về tài sản C: việc chị P khai có tài sản C là hai sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu

đều đứng tên anh Võ Quang C, một sổ có 300.000.000 đồng - STK 363834779; một sổ có 500.000.000 đồng - STK 351802469. Tuy nhiên hiện 02 sổ tiết kiệm này anh C xác nhận đã rút vào tháng 08/2022, trong đó anh sử dụng 500.000.000 đồng để trả nợ còn 300.000.000 đồng anh đã tiêu sài cá nhân hết. Số tiền dùng để gửi sổ tiết kiệm anh C khai nhận là tài sản do một mình anh làm ra. Chị P đã có đơn xin yêu cầu chia tài sản C vào ngày 05/01/2023, nhưng do hoàn cảnh bệnh tật chị phải đi khám chữa bệnh nên chị đã có đơn xin miễn đóng tạm án phí vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên trường hợp của chị P không nằm trong các trường hợp miễn giảm án phí quy định tại các Điều 12,13 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đến nay chị vẫn chưa nộp tiền tạm ứng án phí cho Tòa án nên căn cứ theo K2 Điều 147 BLTTDS 2015, chưa tiến hành xem xét giải quyết đối với yêu cầu của chị P; về khoản nợ C: anh C và chị P đều xác nhận không có và cũng không yêu cầu, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Quang C có đơn ly hôn đối với chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Phố T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai, nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên hòa giải vào ngày 11/11/2022; phiên hòa giải ngày 05/01/2023; các phiên hòa giải sau chị P vắng mặt không có lý do.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Quang C và chị Nguyễn Thị P kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 03/11/1995 anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T, quận H), Thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị C sống tại Hà Nội, vợ chồng C sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó cả hai anh chị đều nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình không C thủy dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, từ đó vợ chồng tình cảm lạnh nhạt; Vợ

chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 4/2022 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải ngày chị P đều xác nhận sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng C sống tại Hà Nội; Vợ chồng C sống hòa thuận hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghi ngờ chị ngoại tình dẫn đến thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và đánh đập chị, bên cạnh đó anh C là người quản lý kinh tế chặt chẽ không quan tâm đến vợ con trong việc ăn học, ốm đau. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, hai bên gia đình và tổ dân phố đã hòa giải động viên nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Bên cạnh đó anh C cũng có quan hệ ngoại tình không C thủy với vợ con. Từ tháng 6/2022 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và chấm dứt quan hệ sinh lý và sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị P cũng đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh C; Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải nhiều lần tuy nhiên cả hai anh chị không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không thành. Mặt khác tại biên bản làm việc với tổ dân phố, đại diện chính quyền địa P cũng đã xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, tổ dân phố đã nhiều lần phải hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy anh C yêu cầu được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị P cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho anh Võ Quang C ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con C: Xác định anh Võ Quang C và chị Nguyễn Thị P có ba con C là con C là cháu Võ P Thu (nữ), sinh ngày 02/5/1994, cháu Võ Thu Trang (nữ), sinh ngày 17/12/2004 và cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012. Tại phiên tòa, anh C xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Võ Hiếu Phong và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con C, đối với cháu Thu, cháu Trang đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tại phiên hòa giải chị P cũng đồng ý để anh C nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phong. Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con C chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Do vậy cần giao con C là cháu Võ Hiếu Phong cho anh C chăm sóc và nuôi dưỡng, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, không xem xét về cấp dưỡng nuôi con C là phù hợp các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014. Đối với cháu Võ P Thu (nữ), sinh ngày 02/5/1994, cháu Võ Thu Trang (nữ), sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng và phát triển bình thường nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản C (động sản + bất động sản): Anh Võ Quang C xác nhận vợ chồng không có tài sản C, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị P trong quá trình giải quyết vụ án có khai vợ chồng anh chị trong quá trình C sống giữa chị và anh C có gửi tiền tại 02 sổ tiết kiệm số tài khoản 363834779 với số tiền 300.000.000 đồng và sổ tiết kiệm số tài khoản 351802469 gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 500.000.000 đồng đều đứng tên anh Võ Quang C. Khi ly hôn chị xác định đây là tài sản C của vợ chồng nên đề nghị được hưởng 300.000.000 đồng, còn anh C hưởng số tiền 500.000.000 đồng. Ngoài ra chị P không có yêu cầu gì khác. Anh Võ Quang C xác nhận có 02 sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng TMCP Á Châu đều đứng tên anh Võ Quang C, một sổ có 300.000.000 đồng - STK 363834779; một sổ có 500.000.000 đồng - STK 351802469. Tuy nhiên hiện 02 sổ tiết kiệm này anh C xác nhận đã rút vào tháng 08/2022, trong đó anh sử dụng 500.000.000 đồng để trả nợ còn 300.000.000 đồng anh đã tiêu sài cá nhân hết. Số tiền dùng để gửi sổ tiết kiệm anh C khai nhận là tài sản do một mình anh làm ra.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu giải quyết xem xét về tài sản C đối với hai sổ gửi tiết kiệm nêu trên, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về việc tranh chấp tài sản C, nhưng cho đến khi mở phiên tòa chị P không nộp tiền tạm ứng án phí, và chị P cũng không thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Do vậy HĐXX không xem xét yêu cầu này và giành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị P bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu cũng như thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về nợ C: Chị Nguyễn Thị P xác nhận vợ chồng anh chị không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với anh Võ Quang C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh xác định anh có vay của mẹ anh là bà Vũ Thị Kinh 140.000.000 đồng, anh đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ bà Kinh 120.000.000 đồng. Đây là số tiền anh mua ô tô để làm ăn, anh tự vay và tự chịu trách nhiệm trả khoản vay này không yêu cầu chị P phải có trách nhiệm đối với khoản này. Tại phiên tòa anh khẳng định đây là khoản nợ riêng cá nhân của anh, anh không yêu cầu chị P phải trả cùng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, anh Võ Quang C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị P không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang C. Cho anh Võ Quang C ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con C: Xác nhận anh Võ Quang C và chị Nguyễn Thị P có ba con C là cháu Võ P Thu (nữ), sinh ngày 02/5/1994, cháu Võ Thu Trang (nữ), sinh ngày 17/12/2004 và cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012: Giao anh Võ Quang C được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con C là cháu Võ Hiếu Phong (nam), sinh ngày 25/01/2012; kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con C: Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con C cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom, chăm sóc con C không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống C với người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản C (động sản và bất động sản):* Giành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị P đối với tài sản C bằng một vụ kiện khác.

- *Về nợ C:* Anh Võ Quang C và chị Nguyễn Thị P cùng xác nhận không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Võ Quang C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số: AA/2020/0050605 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Anh Võ Quang C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Quang C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND quận H;
 - Chi cục THA dân sự quận H;
 - UBND phường T, quận H, Thành phố Hà Nội;
- (GCNKH số 53, quyền số 01, ngày 03/11/1995)
- Đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương